TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 127/2023/DS-ST
Ngày 26 - 9 - 2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Xoa** và ông **Nguyễn Văn Sanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 26.9.2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2023/TLST-DS ngày 05.6.2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-DS ngày 22.8.2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2023/QĐST-DS ngày 08.9.2023, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**. Trụ sở: Đường N, phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Hạ T - Sinh năm 1997. Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đà Nẵng. Địa chỉ: Đường N, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Quyết định ủy quyền số: 3272/2022/QĐ-PL ngày 26.12.2022 và Giấy ủy quyền ngày 14.4.2023), có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H** - Sinh năm 1989. Địa chỉ: Đường T, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14.4.2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 15.06.2019, ông Nguyễn Văn H có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Văn H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Đối với thẻ số 472075 - 8650, lãi suất trong hạn 2,76%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; đối với thẻ số 356480 - 6490, lãi suất trong hạn 0,84%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông Nguyễn Văn H đã thực hiện 30 giao dịch trên thẻ số 472075 - 8605 với tổng số tiền 223.784.772 đồng; đã thanh toán được số tiền 205.337.975 đồng (bao gồm phí, lãi và gốc). Đối với thẻ số 356480 - 6490, ông Nguyễn Văn H vay tiêu dùng với tổng số tiền 26.000.000 đồng; đã thanh toán được số tiền 25.092.801 đồng (bao gồm phí, lãi và gốc). Đối với số tiền còn lại phải thanh toán, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Văn H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Văn H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 07.8.2023, ông Nguyễn Văn H còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 45.467.266 đồng (Trong đó nợ thẻ số 472075 - 8605 là 41.979.269 đồng và nợ thẻ số 356480 - 6490 là 3.487.997 đồng).

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ như đã nêu trên và phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08.8.2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng.

Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng ông Nguyễn Văn H không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú được xác định theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng) mà ông Nguyễn Văn H ký với Ngân hàng TMCP S ngày 15.6.2019 thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán: Mặc dù ông Nguyễn Văn H vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng TMCP S cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà ông Nguyễn Văn H ký với Ngân hàng có mục đích tiêu dùng với hạn mức 30.000.000 đồng; thẻ số 472075 - 8650 có mức lãi suất trong hạn 2,76%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thẻ số 356480 - 6490 có mức lãi suất trong hạn 0,84%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán được thực hiện theo Thông báo hàng tháng của Ngân hàng. Trên thẻ số 472075 -

8650, ông Nguyễn Văn H đã thực hiện 30 giao dịch với tổng số tiền 223.784.772 đồng, đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 205.337.975 đồng; trên thẻ số 356480 - 6490, ông Nguyễn Văn H vay tiêu dùng với tổng số tiền 26.000.000 đồng; đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 25.092.801 đồng. Do ông Nguyễn Văn H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, kể từ ngày 05.6.2021 là đúng với quy định tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 07.8.2023, ông Nguyễn Văn H còn nợ Ngân hàng trên thẻ số 472075 - 8650 là 41.979.229 đồng (gốc 28.261.765 đồng, lãi quá hạn 13.717.504 đồng và nợ trên thẻ số 356480 - 6490 là 3.485.906 đồng (gốc 2.697.599 đồng, lãi quá hạn 790.398 đồng); tổng cộng là 45.467.266 đồng (gốc 30.959.364 đồng, lãi quá hạn 14.507.902 đồng).

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 18 và 19 của Điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng thì ông Nguyễn Văn H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Do đó, buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 07.8.2023 là 45.467.266 đồng. Ông Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục trả tiền lãi, kể từ ngày 08.8.2023 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 15.6.2019.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"* của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Văn H.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 07.8.2023 tổng cộng là 45.467.266 đồng (Trong đó: gốc 30.959.364 đồng, lãi quá hạn 14.507.902 đồng), cụ thể như sau:

- Số tiền phải thanh toán đối với thẻ số: 472075 - 8650 là 41.979.269 đồng (Trong đó: gốc 28.261.765 đồng, lãi quá hạn 13.717.504 đồng).

- Số tiền phải thanh toán đối với thẻ số: 356480 - 6490 là 3.487.997 đồng (Trong đó: gốc 2.697.599 đồng, lãi quá hạn 790.398 đồng).

Kể từ ngày 08.8.2023, ông Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 15.6.2019 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn H phải chịu là 2.273.363 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 1.024.072 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0007541 ngày 01.6.2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Diện